

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho ý kiến việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Quy định mức đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Quy định mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 được Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá

1. Đất thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng (trừ đất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp): 2,0%.

2. Đất thuộc các khu vực, tuyến đường tại các phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (trừ đất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp): 1,75%.

3. Đất thuộc các khu vực, tuyến đường tại các xã còn lại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (trừ đất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp): 1,0%.

4. Đất thuộc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng: 1,5%.

Điều 3. Mức đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng mức 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng mức 30% của đơn giá thuê đất bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng.

Điều 4. Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng mức 30% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết

định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh nội dung được đánh giá chưa phù hợp, có thay đổi về pháp lý thì Sở Tài chính chịu trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh Quyết định cho phù hợp.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *hms*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- VP.Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Báo ST, Đài PT&TH tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Chi cục Thuế các huyện, TX, khu vực;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, VX. *(6b)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam